

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG

MST : 0200815578

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG

MST : 0200815578

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV- 2011

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 28/03/2011.
- Trụ sở chính của Công ty:
Địa chỉ : Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại : (031)3 854 626
Fax : (031)3 782 326
- Hoạt động chính của Công ty: Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Môi giới hợp đồng hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính; Kinh doanh bất động sản.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động trên và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

ĐVT: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		407.629.694.157	324.694.842.334
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	4.565.415.921	19.829.288.638
1. Tiền	111		4.565.415.921	19.829.288.638
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		214.364.447.934	100.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	214.364.447.934	100.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.020.769.948	54.720.540.631
1. Phải thu của khách hàng	131		12.464.200.000	14.559.737.757
2. Trả trước cho người bán	132		360.000.000	38.834.762.700
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	35.196.569.948	1.326.040.174
IV. Hàng tồn kho	140		138.970.393.176	143.587.373.130
1. Hàng tồn kho	141	5.4	138.970.393.176	143.587.373.130
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.708.667.178	6.557.639.935
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		185.324.654	143.427.219
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.523.342.524	6.414.212.716
B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.074.681.802	920.617.793
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220	5.5	2.929.073.436	666.014.468
1. TSCĐ hữu hình	221		2.924.545.436	652.430.468
- Nguyên giá	222		3.269.363.530	829.827.946
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(344.818.094)	(177.397.478)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227		4.528.000	13.584.000
- Nguyên giá	228		27.168.000	27.168.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.640.000)	(13.584.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		145.608.366	254.603.325
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	145.608.366	254.603.325
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		410.704.375.959	325.615.460.127

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

DVT: VND

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		109.133.438.762	141.323.941.186
I. Nợ ngắn hạn	310		109.133.438.762	141.323.941.186
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.7	22.519.554.000	22.500.000.000
2. Phải trả cho người bán	312			5.695.081.127
3. Người mua trả tiền trước	313		23.340.543.253	14.777.745.148
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.8	7.113.165.558	26.865.880.296
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316		175.638.669	1.839.273.333
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.9	47.092.108.000	60.627.752.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.10	8.892.429.282	9.018.209.282
II. Nợ dài hạn	330			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		301.570.937.197	184.291.518.941
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.11	301.570.937.197	184.291.518.941
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.336.000.000	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		187.234.937.197	94.291.518.941
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		410.704.375.959	325.615.460.127
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Chỉ tiêu			31/12/2011	31/12/2010
5. Ngoại tệ các loại (USD)	N05		506,49	477,25

Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV- 2011

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm	
		2011	2010	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.213.858.382	250.950.201.147	627.334.968.799	686.872.606.690
2. Các khoản giảm trừ				1.100.000.000	727.272.727
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại				1.100.000.000	727.272.727
- Thuế tiêu thụ DB, thuế xuất khẩu phải nộp					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	5.12	80.213.858.382	250.950.201.147	626.234.968.799	686.145.333.963
4. Giá vốn hàng bán	5.13	63.358.204.736	213.750.974.563	520.393.100.899	590.050.984.347
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		16.855.653.646	37.199.865.060	105.841.867.900	96.094.349.616
6. Doanh thu hoạt động tài chính	5.14	7.061.308.859	1.800.497.522	16.233.203.757	2.419.476.887
7. Chi phí tài chính	5.15	5.509.313.592	6.348.192.185	13.219.370.876	25.791.278.817
- Trong đó: Lãi vay phải trả		499.528.127	1.262.553.580	6.710.350.546	9.257.819.068
8. Chi phí bán hàng		(6.041.154.944)	2.929.861.244	1.589.683.893	5.184.743.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		845.990.471	623.789.445	2.176.517.254	2.498.021.288
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		23.602.813.386	29.098.519.708	105.089.499.634	65.039.783.298
11. Thu nhập khác		1	50.000.231	255.870.547	50.000.231
12. Chi phí khác		37	910.634	401.951.925	253.450.523
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		(36)	49.089.597	(146.081.378)	(203.450.292)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		23.602.813.350	29.147.609.305	104.943.418.256	64.836.333.006
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.16				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 + 52)		23.602.813.350	29.147.609.305	104.943.418.256	64.836.333.006



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2012



Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUYSố 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Quý IV- 2011

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Theo phương pháp trực tiếp)- Lũy kế từ đầu năm

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		926.476.554.246	803.187.258.042
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(423.984.439.861)	(644.179.840.872)
3. Tiền chi trả cho người lao động		(959.144.616)	(631.557.692)
4. Tiền chi trả lãi vay		(6.696.712.483)	(9.118.545.735)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(203.302.183.066)	78.162.304.803
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(180.155.167.504)	(157.206.052.412)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		111.378.906.716	70.213.566.134
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(2.627.272.727)	(202.477.728)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(255.858.866)	
3. Tiền chi cho vay, đầu tư khác	6.1	(324.364.447.934)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	6.2	210.000.000.000	150.613.228.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.3	(220.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.4	220.000.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.985.246.094	684.660.778
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(115.262.333.433)	51.095.411.050
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		115.484.247.500	176.210.937.500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(115.464.693.500)	(263.602.881.680)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.400.000.000)	(24.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.380.446.000)	(111.691.944.180)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(15.263.872.717)	9.617.033.004
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		19.829.288.638	10.212.255.634
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)		4.565.415.921	19.829.288.638



Vũ Văn Cảnh
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2012

Hồ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 28/03/2011.

Vốn Điều lệ: 100.000.000.000 đồng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 20 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đúc sắt thép;
- Đúc kim loại màu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơmooc và bán rơmooc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất ô tô xe máy;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải: Thiết bị xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3.2 Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo Tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân di động. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4.4 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu : Theo giá gốc.

4.5 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	6-10
Thiết bị văn phòng	3-10
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản khác	4-25

4.6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.

Chi phí tài chính bao gồm : Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay lãi vay phải trả, lỗ chênh lệch tỷ giá gộp đoái, các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các bên góp vốn.

4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã được góp bằng tiền theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối :

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trngj yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, việc thoả mãn các tiêu chuẩn Cơ sở kinh doanh của người tàn tật và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	4.493.983.509	15.142.124.698
Tiền gửi ngân hàng	71.432.412	4.687.163.940
Tổng cộng	4.565.415.921	19.829.288.638

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn *	214.364.447.934	100.000.000.000
Tổng cộng	214.364.447.934	100.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV- 2011

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(*) Khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt vay với thời hạn là 06 tháng, lãi suất cho vay là 25%/năm (tính từ ngày giải ngân) theo Hợp đồng tiền vay số 06/2011/HV-HH ngày 02/06/2011; số 07/2011/HV-HH ngày 21/06/2011; số 08/2011/HV-HH ngày 21/06/2011 ; Số 09/2011/HV-HH ngày 27/06/2011 ; số 10/2011/HV-HH ngày 15/07/2011; số 12/2011/HV-HH ngày 26/07/2011; số 14/2011/HV-HH ngày 15/08/2011. Lãi suất điều chỉnh 21% năm kể từ ngày 01/09/2011.

Hợp đồng vay số 15/2011/HV-HH ngày 19/09/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 06 tháng.

Hợp đồng vay số 16/2011/HV-HH ngày 07/10/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 06 tháng.

Hợp đồng vay số 18/2011/HV-HH ngày 30/09/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 01 tháng.

Hợp đồng vay số 19/2011/HV-HH ngày 24/10/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 06 tháng.

Hợp đồng vay số 20/2011/HV-HH ngày 28/10/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 06 tháng.

Hợp đồng vay số 21/2011/HV-HH ngày 25/11/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 06 tháng.

Hợp đồng vay số 22/2011/HV-HH ngày 13/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Hợp đồng vay số 23/2011/HV-HH ngày 23/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Hợp đồng vay số 24/2011/HV-HH ngày 27/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Hợp đồng vay số 25/2011/HV-HH ngày 27/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Hợp đồng vay số 26/2011/HV-HH ngày 27/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Hợp đồng vay số 28/2011/HV-HH ngày 28/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Tiền lãi của các hợp đồng vay vốn được tính vào cuối mỗi tháng.

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí của Dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	25.855.190.767	875.526.285
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.417.586.082	-
Tiền lãi vay phải thu Công ty CP TM Hưng Việt	6.923.793.099	450.513.889
Tổng cộng	35.196.569.948	1.326.040.174

(*) Phản ánh các khoản đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng (xem thuyết minh số 5.17 dưới đây)

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.532.179.563	7.780.641.632
Thành phẩm		2.245.043.174
Hàng hóa	31.158.910.757	66.293.575.497
Hàng gửi bán	94.279.302.856	67.258.112.827
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	138.970.393.176	143.587.373.130

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV- 2011

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.5 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình.	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2011	592.437.143	237.390.803	829.827.946
Tăng trong kỳ	2.974.072.727	-	2.974.072.727
Mua trong kỳ	2.974.072.727	-	2.974.072.727
Giảm trong kỳ	534.537.143	-	534.537.143
Thanh lý, nhượng bán	534.537.143	-	534.537.143
Tại ngày 31/12/2011	2.792.751.210	131.794.226	2.924.545.436
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 31/12/2011	239.221.517	105.596.577	344.818.094
Khấu hao trong kỳ	247.156.320	53.488.029	300.644.349
Thanh lý, nhượng bán	133.223.733	-	133.223.733
Tại ngày 31/12/2011	353.154.104	53.488.029	406.642.133
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	467.148.213	185.282.255	652.430.468
Tại ngày 31/12/2011	2.792.751.210	131.794.226	2.924.545.436
Tài sản cố định vô hình		Phần mềm máy vi tính	Cộng VND
Nguyên giá tại ngày 01/01/2011		27.168.000	27.168.000
Hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2011		22.640.000	22.640.000
Giá trị còn lại đến ngày 31/12/2011		4.528.000	4.528.000

5.6 Chi phí trả trước dài hạn

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Tại ngày 01/01/2011	254.603.325
Tăng trong kỳ	11.809.091
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong kỳ	(120.804.050)
Tại ngày 31/12/2011	145.608.366

5.7 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngân hàng TMCP Á Châu – CN HP *	22.519.554.000	22.500.000.000
Tổng cộng	22.519.554.000	22.500.000.000

(*) Khoản vay 2011, vay theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HAP.DN.05160511/HMTD ngày 18/05/2011 ; theo đó hạn mức tín dụng là 111.00.000.000 đồng; Khoản vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh thương mại xe vận tải; Thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn của số tiền nhận nợ trong mỗi lần nhận số tiền vay được ghi trên mỗi Khế ước nhận nợ, tối đa không quá 06 tháng; Lãi suất vay được quy định trong từng Khế ước nhận nợ phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Á Châu quy định từng thời kỳ. Tiền gốc trả vào cuối kỳ. Tiền lãi trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng 256,50 m² đất cùng với tài sản gắn liền với đất tại Biệt thự số 183 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Quyền sử dụng 59,2 m² đất cùng với tài sản trên đất tại số 324C (số 326 cũ) Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Quyền sử dụng 92 m² đất cùng với tài sản trên đất tại số 212 đường Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng cùng toàn bộ nhà xưởng và vật kiến trúc trên đất được xây dựng trên 44.767,6 m² đất thuê tại xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.417.586.082	16.869.746.432
Thuế nhập khẩu	4.691.379.476	9.996133.864
Thuế thu nhập cá nhân	4.200.000	
Tổng cộng	7.113.165.558	26.865.880.296

5.9 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.092.108.000	42.805.252.000
Phải trả cá nhân	-	17.822.500.000
Tổng cộng	47.092.108.000	60.627.752.000

(*) Như trình bày tại thuyết minh số 5.17 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước tiền cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

5.10 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Quỹ khen thưởng	6.020.759.522	6.092.139.522
Quỹ phúc lợi	2.871.669.760	2.926.069.760
Tổng cộng	8.892.429.282	9.018.209.282

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV- 2011

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.11 Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2009	90.000.000.000	-	63.241.395.217	153.241.395.217
Lãi trong năm	-	-	64.836.333.006	64.836.333.006
Chia cổ tức	-	-	(24.300.000.000)	(24.300.000.000)
Trích lập quỹ KTPL	-	-	(9.486.209.282)	(9.486.209.282)
Tại ngày 31/12/2010	90.000.000.000	-	94.291.518.941	184.291.518.941
Lãi trong kỳ	-	-	104.943.418.256	104.943.418.256
Chia cổ tức (*)	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Phát hành tăng vốn (**)	10.000.000.000	14.336.000.000		24.336.000.000
Tại ngày 31/12/2011	100.000.000.000	14.336.000.000	187.234.937.197	301.570.937.197

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 14/04/2011, Công ty trả cổ tức đợt 1 năm 2010 bằng tiền mặt là 12% trên mệnh giá cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 27/NQ-DDHĐDCDD ngày 10/11/2010, Công ty phát hành tăng vốn 10 tỷ đồng theo phương thức phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu cho cổ đông mới. Mệnh giá phát hành là 10.000đồng/ 1 cổ phiếu, giá bán cổ phiếu từ 22.000 đồng đến 25.000 đồng tạo ra thặng dư vốn 14.383.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn đã góp đến 31/12/2011	
	VND	%	VND	VND
Đỗ Hữu Hạ	54.000.000.000	54,00	54.000.000.000	54.000.000.000
Đỗ Hữu Hậu	23.850.000.000	23,85	23.850.000.000	23.850.000.000
Mai Trang	4.050.000.000	4,05	4.050.000.000	4.050.000.000
Đỗ Hữu Hưng	4.050.000.000	4,05	4.050.000.000	4.050.000.000
Nguyễn Thị Hà	4.050.000.000	4,05	4.050.000.000	4.050.000.000
Cổ đông khác	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	
Cộng	100.000.000.000	100,00	100.000.000.000	90.000.000.000

5.12 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa	623.770.755.291	683.558.923.522
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.684.213.508	2.586.410.441
Tổng cộng	626.454.968.799	686.145.333.963

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUYSố 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Quý IV- 2011

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.13 Giá vốn

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Giá vốn của hàng hóa	518.891.062.442	589.356.073.011
Giá vốn của dịch vụ	1.502.038.457	694.911.336
Tổng cộng	520.393.100.899	590.050.984.347

5.13 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Lãi tiền gửi	613.746.536	684.714.998
Thu lãi từ hoạt động cho vay	13.669.018.768	450.513.889
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	1.950.438.453	1.284.248.000
Tổng cộng	16.233.203.757	2.419.476.887

5.15 Chi phí tài chính – Lũy kế đến 31/12/2011

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 VND	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010 VND
Lãi vay phải trả	6.710.350.546	9.257.819.068
Chênh lệch tỷ giá	6.509.020.330	16.533.459.749
Tổng cộng	13.219.370.876	25.791.278.817

5.16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	104.943.418.256
Thu nhập chịu thuế	104.943.418.256
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (25%)	26.235.854.564
Miễn thuế TNDN theo ưu đãi	(26.235.854.564)
Thuế TNDN	-

(*) Giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV- 2011

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5.17 Cam kết góp vốn Liên doanh

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa Internetal dự kiến thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để thực hiện dự án nhà thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam lần lượt là 15.000.000 USD và 85.000.000 USD (trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Pruksa Internetal lần lượt là 15% và 85%).

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Tổng mức đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng), chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

5.18 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Từ ngày 01/01/2011
đến ngày 31/12/2011
VND

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy

Mua hàng hoá, dịch vụ	16 340 731 344
-----------------------	----------------

Giá trị hàng hoá dịch vụ đã cung cấp	243 430 000
--------------------------------------	-------------

Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt

Thu nhập từ lãi cho vay	13 593 119 488
-------------------------	----------------

Số dư với các bên liên quan:

31/12/2011	31/12/2010
VND	VND

Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt

Cho vay theo các hợp đồng vay ngắn hạn	214.364.447.934	100.000.000.000
--	-----------------	-----------------

Lãi vay phải thu	6.923.793.099	450.513.889
------------------	---------------	-------------

Tổng cộng	221.288.241.033	100.450.513.889
------------------	------------------------	------------------------

6. THUYẾT MINH 1 SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Tiền chi cho vay, đầu tư khác**

Từ 01/01/2011
đến 31/12/2011

Khoản tiền đầu tư cho Công ty Hưng Việt vay (*)	314.364.447.934
---	-----------------

Khoản tiền đầu tư cho Công ty Vantra vay (**)	10.000.000.000
---	----------------

Tổng cộng	324.364.447.934
------------------	------------------------

(*) Khoản đầu tư ngắn hạn khác thể hiện khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt vay với thời hạn là 06 tháng, lãi suất cho vay là 25%/năm (tính từ ngày giải ngân) theo Hợp đồng tiền vay số 06/2011/HV-HH ngày 02/06/2011; số 08/2011/HV-HH ngày 21/06/2011 ; Số

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV- 2011

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

09/2011/HV-HH ngày 27/06/2011 ; số 10/2011/HV-HH ngày 15/07/2011; số 12/2011/HV-HH ngày 26/07/2011; số 14/2011/HV-HH ngày 15/08/2011. Lãi suất điều chỉnh 21% năm kể từ ngày 01/09/2011.

Hợp đồng tiền vay ngày 29/03/2011 lãi suất 16.3%/năm kỳ hạn 3 tháng.

Hợp đồng vay số 15/2011/HV-HH ngày 19/09/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 06 tháng.

Hợp đồng vay số 16/2011/HV-HH ngày 07/10/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 06 tháng.

Hợp đồng vay số 18/2011/HV-HH ngày 30/09/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 01 tháng.

Hợp đồng vay số 19/2011/HV-HH ngày 24/10/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 06 tháng.

Hợp đồng vay số 20/2011/HV-HH ngày 28/10/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 06 tháng.

Hợp đồng vay số 21/2011/HV-HH ngày 25/11/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 06 tháng.

Hợp đồng vay số 22/2011/HV-HH ngày 13/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Hợp đồng vay số 23/2011/HV-HH ngày 23/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Hợp đồng vay số 24/2011/HV-HH ngày 27/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Hợp đồng vay số 25/2011/HV-HH ngày 27/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Hợp đồng vay số 26/2011/HV-HH ngày 27/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

Hợp đồng vay số 28/2011/HV-HH ngày 28/12/2011 lãi suất 21% năm thời hạn 12 tháng.

(**) Khoản tiền chi cho vay đầu tư cho Công ty TNHH du lịch sinh thái VANTRA GARDEN theo hợp đồng vay số 01/2011/HH-VT ngày 6/7/2011 kỳ hạn 3 tháng lãi suất 23% năm.

Tiền lãi của các hợp đồng vay vốn được tính vào cuối mỗi tháng.

6.2. Tiền thu hồi cho vay

	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
Khoản tiền thu hồi cho vay từ Công ty Hưng Việt (*)	200.000.000.000
Khoản tiền thu hồi cho vay từ Công ty Vantra (**)	10.000.000.000
Tổng cộng	210.000.000.000

(*) Khoản tiền thu hồi tiền cho Công ty Hưng Việt vay theo hợp đồng tiền vay ngày 30/03/2011 lãi suất 16.3%/năm kỳ hạn 3 tháng. Thu hồi khoản tiền cho công ty Hưng Việt vay năm 2010.

(**) Khoản tiền thu hồi cho vay của Công ty TNHH du lịch sinh thái VANTRA GARDEN theo hợp đồng vay số 01/2011/HH-VT ngày 6/7/2011 kỳ hạn 3 tháng lãi suất 23% năm. (Khoản tiền thu hồi tiền cho vay trước kỳ hạn)

6.3. Tiền chi đầu tư góp vốn

	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011
Khoản tiền đầu tư cho Công ty Hưng Việt (*)	220.000.000.000
Tổng cộng	220.000.000.000

(*) Khoản đầu tư ngắn hạn khác thể hiện khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt vay với thời hạn là 01 tháng, lãi suất cho vay là 25%/năm (tính từ ngày giải ngân) theo Hợp đồng tiền vay số 07/2011/HV-HH ngày 21/06/2011; số 18/2011 HV-HH lãi suất 21%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Quý IV- 2011

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

6.4. Thu tiền đầu tư góp vốn

	Từ 01/01/2011
	đến 31/12/2011
Khoản tiền đầu tư cho Công ty Hưng Việt (*)	220.000.000.000

Tổng cộng

(*) Thể hiện tiền thu hồi từ khoản tiền Công ty cho Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt vay với thời hạn là 01 tháng, lãi suất cho vay là 25%/năm (tính từ ngày giải ngân) theo Hợp đồng tiền vay số 07/2011/HV-HH ngày 21/06/2011. Hợp đồng tiền vay số 18/2011/HV-HH ngày 30/09/2011 thời hạn là 01 tháng, lãi suất cho vay là 21%/năm (tính từ ngày giải ngân)

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện sau ngày khoá sổ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31/12/2011. Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính - Chi nhánh Hải Phòng (IFC - ACA Group).

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2010	Số liệu tại ngày 31/12/2010	Chênh lệch	Ghi chú
			đã được kiểm toán VND	đã phân loại lại VND		
1.	Các khoản phải thu khác	135	450.513.889	1.326.040.174	875.526.285	(*)
2.	Hàng tồn kho	141	144.462.899.415	143.587.373.130	(875.526.285)	(*)

(*) Phân loại lại chi phí của Dự án nhà ở thu nhập thấp từ khoản mục Hàng tồn kho sang Các khoản phải thu khác.

*
* *